TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14–9- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Điền N, sinh năm 1977 (có đơn yêu cầu vắng mặt). Địa chỉ ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Điền N trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Anh Nguyễn Điền N và chị Nguyễn Thị C xây dựng hôn nhân năm 2003, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2008, ngày 17/8/2009. Quá trình chung sống có 03 người con chung, cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 31/10/2005, cháu Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2014, Nguyễn Anh V, sinh năm 2020, hiện 03 người con đang sống cùng anh N.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Do chị C không lo làm ăn, không lo chăm sóc con, thường xuyên đi đánh bài bỏ con, quan hệ tình cảm bên ngoài. Đã sống ly thân gần 06 tháng nay. Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị C. Khi ly hôn, anh N yêu câu nuôi 03 đứa con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị C không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập chị C đến Tòa án làm việc nhưng chị C không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng chị C không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Điền N đối với chị Nguyễn Thị C. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 31/10/2005, cháu Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2014, Nguyễn Anh V, sinh năm 2020 cho anh N tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 11 tháng 7 năm 2023, anh Nguyễn Điền N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị C. Chị C đăng ký thường trú tại ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh N và chị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2008, ngày 17/8/2009, nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo anh N xác định, chị C không lo làm ăn, không lo chăm sóc con, thường xuyên đi đánh bài bỏ con, quan hệ tình cảm bên ngoài với người đàn ông khác, vợ chồng

anh N và chị C ly thân gần 6 tháng nay. Sau khi anh N nộp đơn ly hôn, chị C đã bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, bỏ cả ba đứa con cho anh N chăm sóc**.** Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh N yêu cầu ly hôn với chị C. Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị C, Tòa án có tiến hành tống đạt cho chị C thông báo thụ lý vụ án và Thông báo hòa giải, chị C vẫn nhận văn bản nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án đến nhà lấy lời khai thì chị C đã bỏ nhà đi nên chị C không có lời khai trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai anh N phù hợp với lời khai bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Đức H1 và trưởng ấp ông Diệp Thanh Q. Cả bà B, ông H1, ông Q đều xác định, quá trình chung sống, anh N và chị C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cải vả lớn tiếng với nhau; nguyên nhân mâu thuẫn thì họ không rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa anh N và chị C không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, anh N và chị C đã ly thân gần 06 tháng nay. Anh N không còn tình cảm với chị C, bản thân chị C cũng không tha thiết với cuộc hôn nhân này, bởi lẻ khi Tòa án tống đạt cho chị C Thông báo thụ ý vụ án nhưng chị C không có ý kiến phản hồi, bỏ mặc theo ý kiến của anh N; từ đó cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh N yêu cầu được ly hôn với chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị C.

[4]. Về con chung: Anh N và chị C chung sống với nhau có 03 người con chung, cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 31/10/2005, cháu Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2014, Nguyễn Anh V, sinh năm 2020, hiện 03 người con đang sống cùng anh N. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh N yêu cầu nuôi cả 03 đưa con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi. Tuy nhiên, đối với trường hợp cháu Nguyễn Anh V sinh ngày 12/10/2020, tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa anh N đối với chị C, cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi. Về phía chị C đã bỏ mặt các cháu, giao các cháu cho anh N và bỏ nhà ra đi, bản thân chị C cũng không nguyện vọng hay yêu cầu được nuôi cháu K, cháu Đ, cháu V. Xét thấy, để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, chăm sóc, nuôi dạy cháu V cần tiếp tục giao cháu V cho anh N tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Riêng cháu Đ, cháu K đều có nguyện vọng chung sống với anh N nên cần ghi nhận. Chị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định, quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh N phải chịu 300.000 đồng, anh N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 00013709 ngày 11 tháng 7 năm 2023 được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Điền N đối với chị Nguyễn Thị C. Xử cho anh Nguyễn Điền N ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 31/10/2005, cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 19/02/2014, Nguyễn Anh V, sinh ngày 31/10/2020 cho Nguyễn Điền N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hiện cháu K, cháu Đ, cháu V đang sống cùng anh Nguyễn Điền N. Chị Nguyễn Thị C không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh Nguyễn Điền N phải chịu 300.000 đồng, anh N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 00013709 ngày 11 tháng 7 năm 2023 được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi